CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Phát triển Sunshine Homes

Ngày 30/09/2024	67,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-2.0%**	**2.6%**

DT thuần
Q3/24
64.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼559| -89.6%
YoY: ▼1,010| -94.0%

LN thuần
Q3/24
21.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼281| -92.9%
YoY: ▼656| -96.8%

LN sau thuế
Q3/24
7.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼227| -96.7%
YoY: ▼529| -98.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
133%
YoY: +/-▲ 73.5%

ROE (TTM)
Q3/24
6.4%
YoY: +/-▼ 9.0%

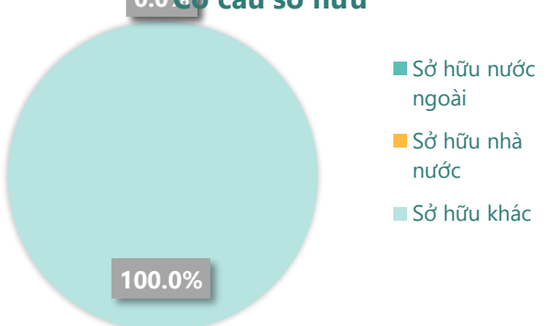
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	62,700 - 70,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25,313
Số lượng CPLH (CP)	375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,995
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.37
EPS	1,021
P/E	66.1

DT thuần
9T 2024
913
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,675| -64.7%

LN thuần
9T 2024
460
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,133| -71.1%

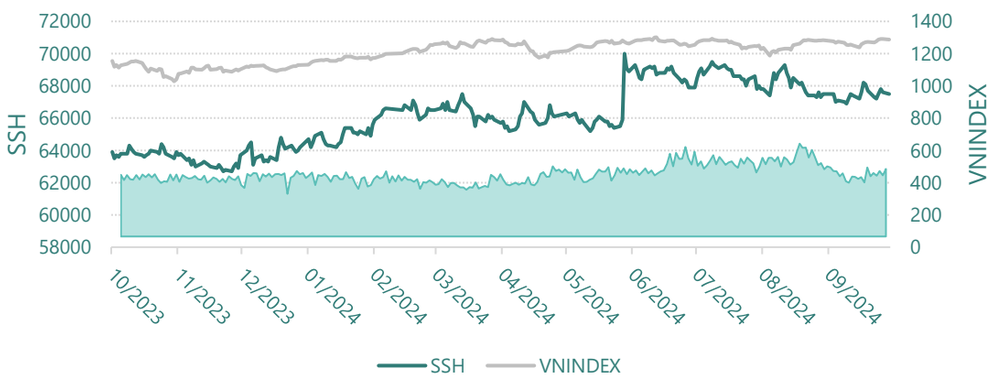
LN sau thuế
9T 2024
362
tỷ VNĐ
YoY: ▼900| -71.3%

Cơ cấu sở hữu

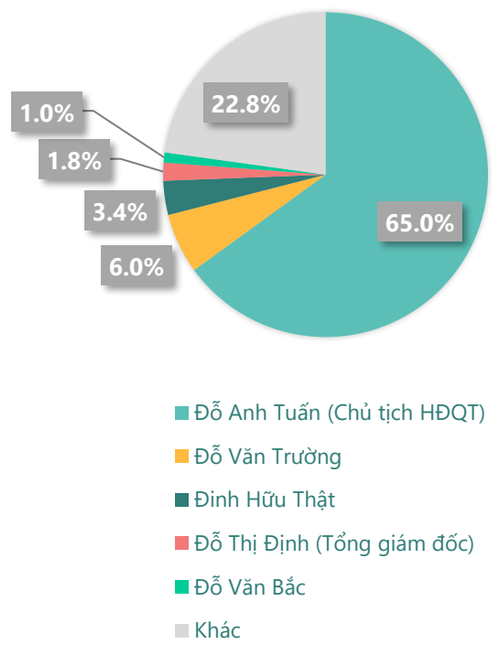


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

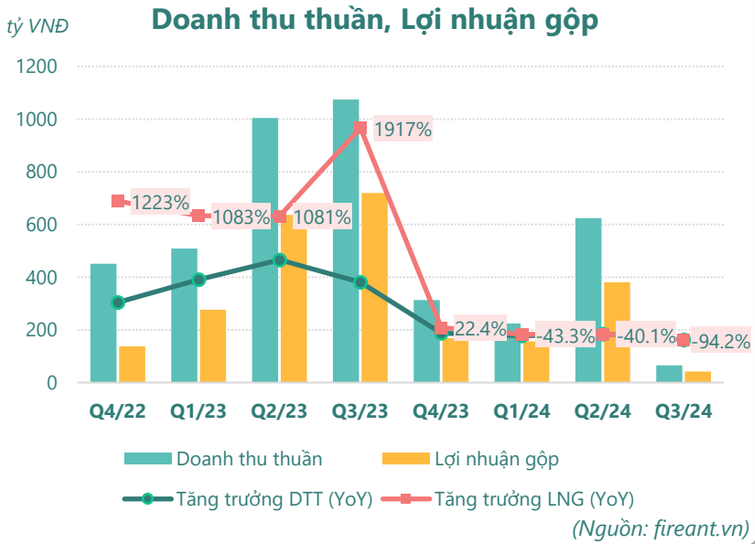


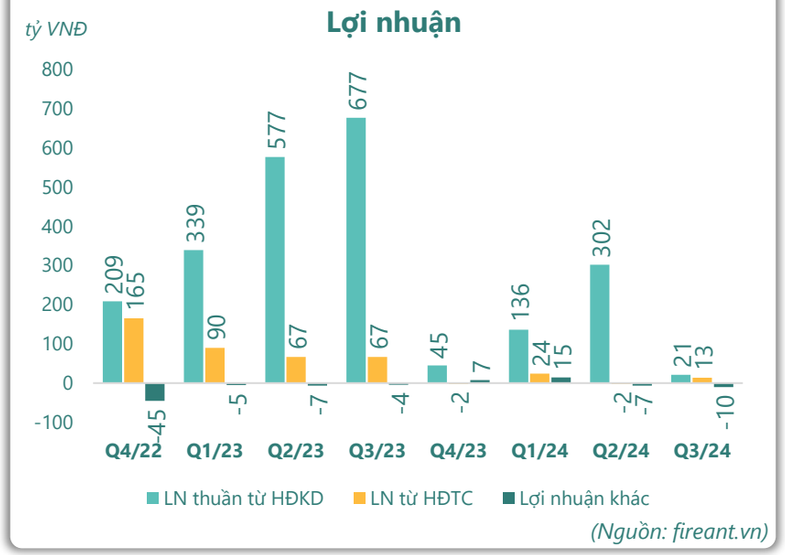
Cơ cấu cổ đông

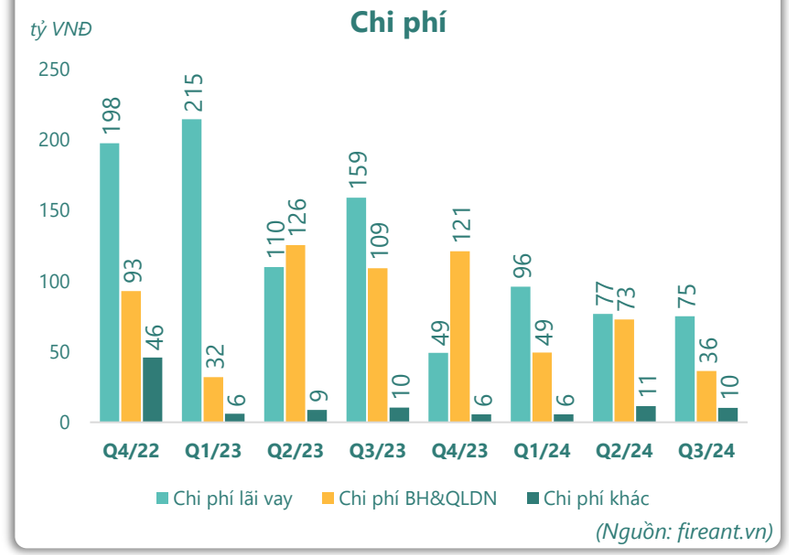


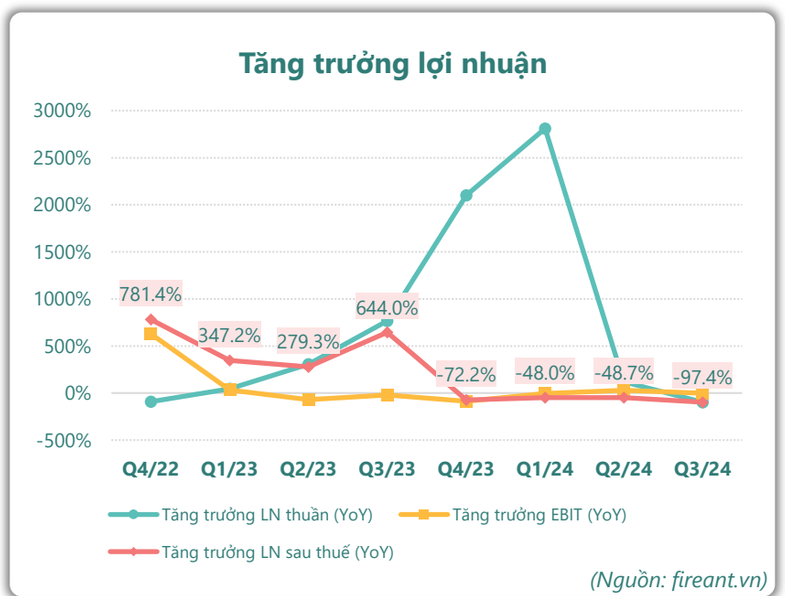
(Nguồn: fireant.vn)

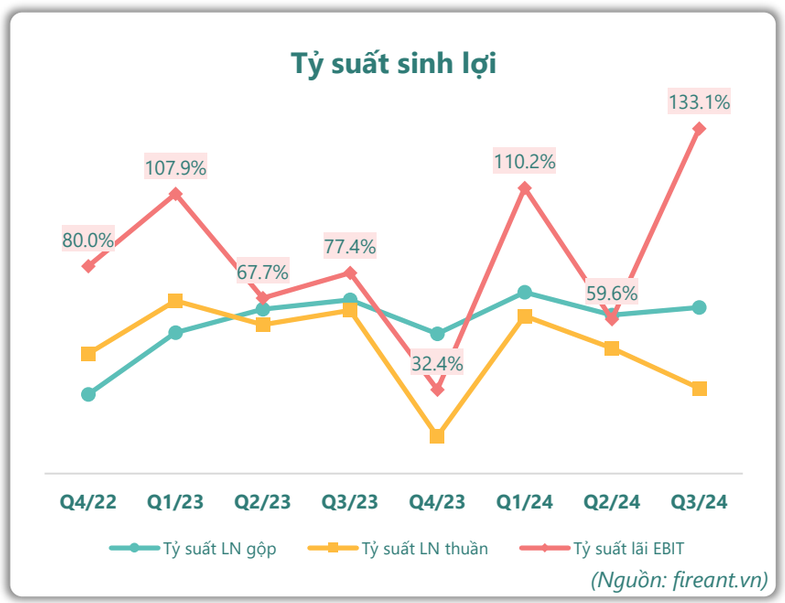
KẾT QUẢ KINH DOANH

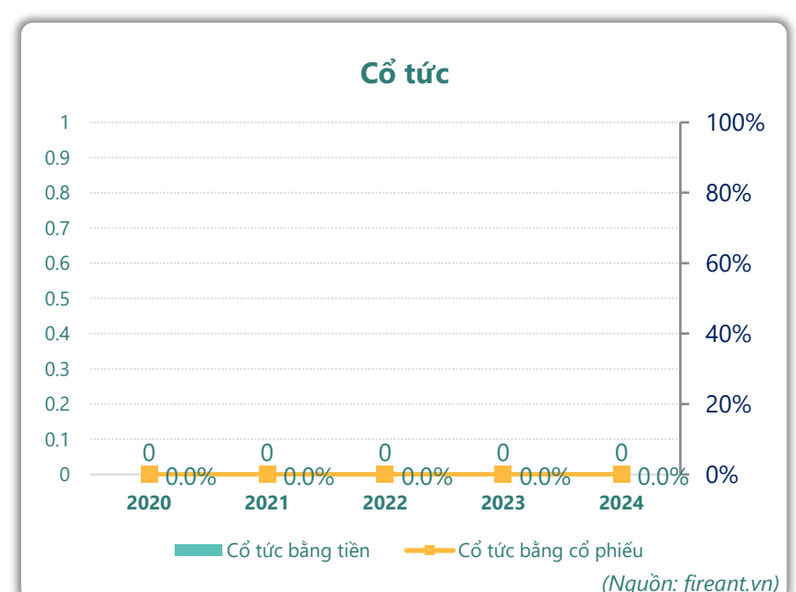






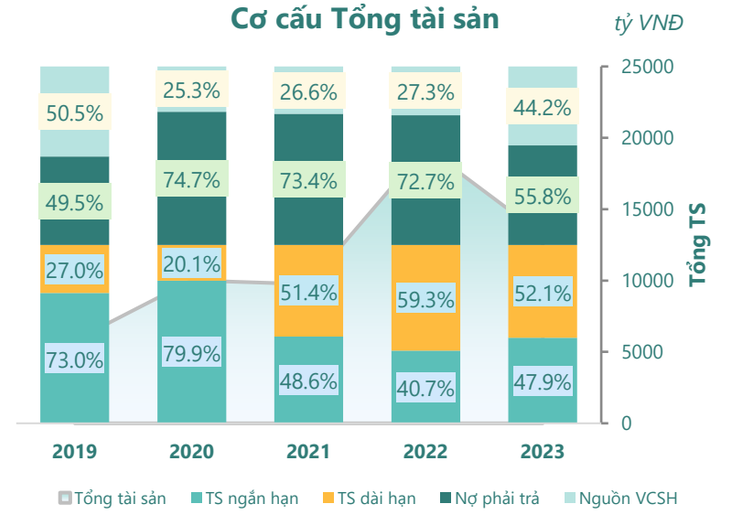






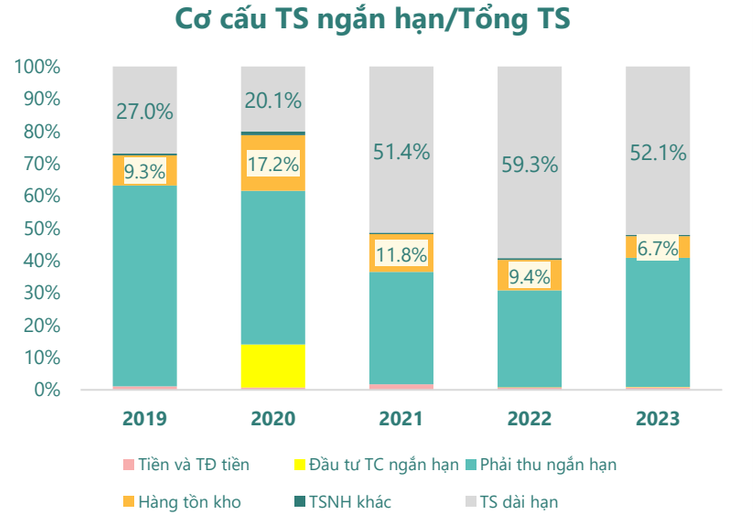
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



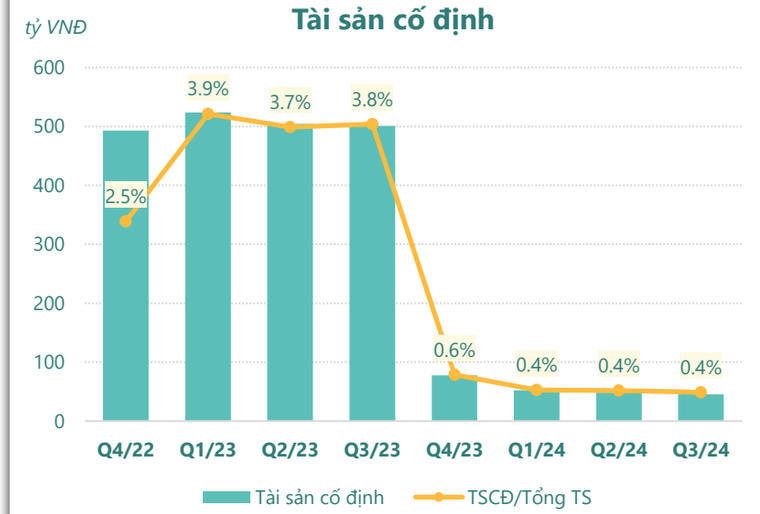
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



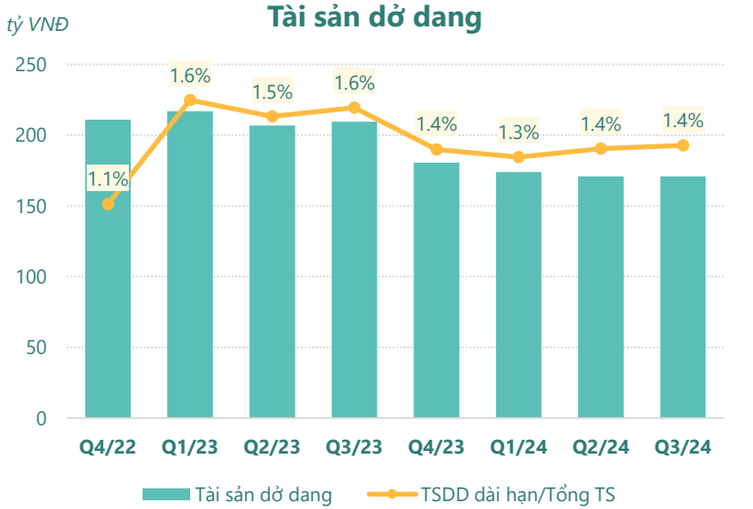
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



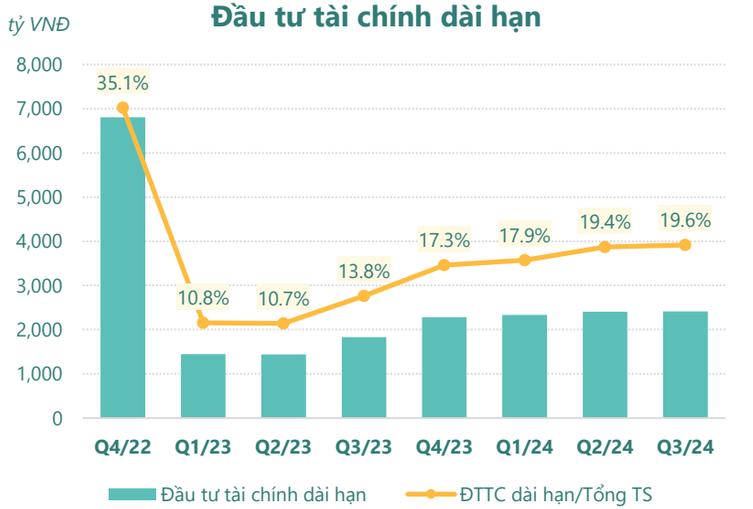
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



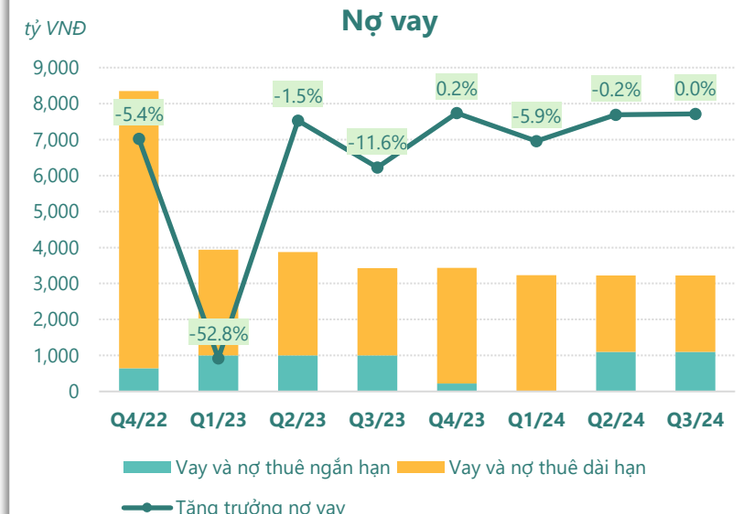
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

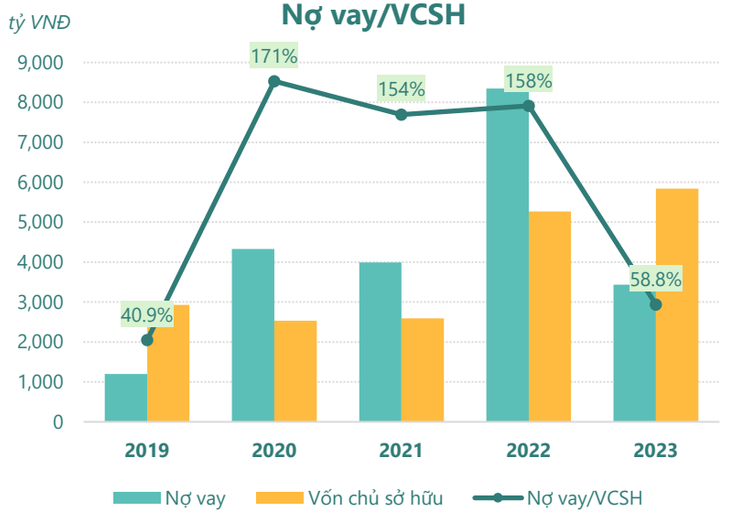
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

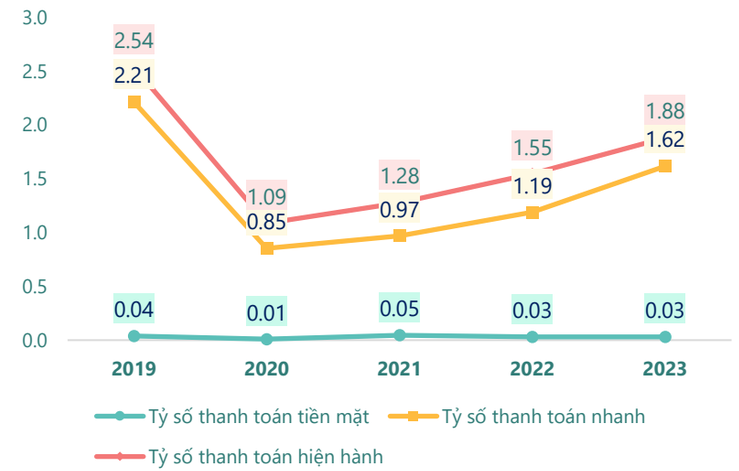
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



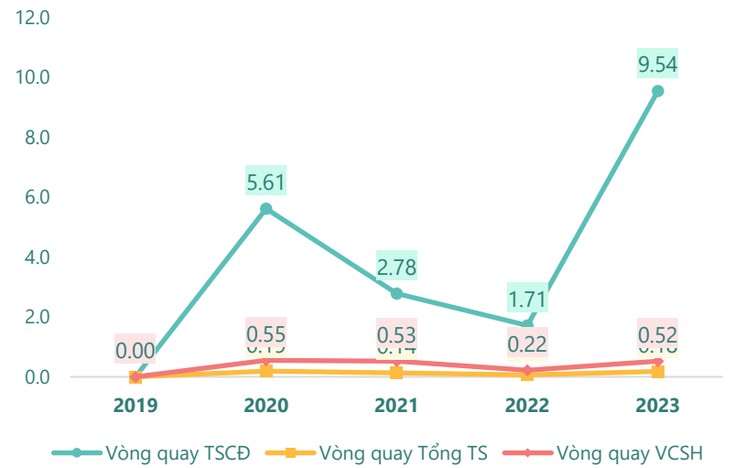
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



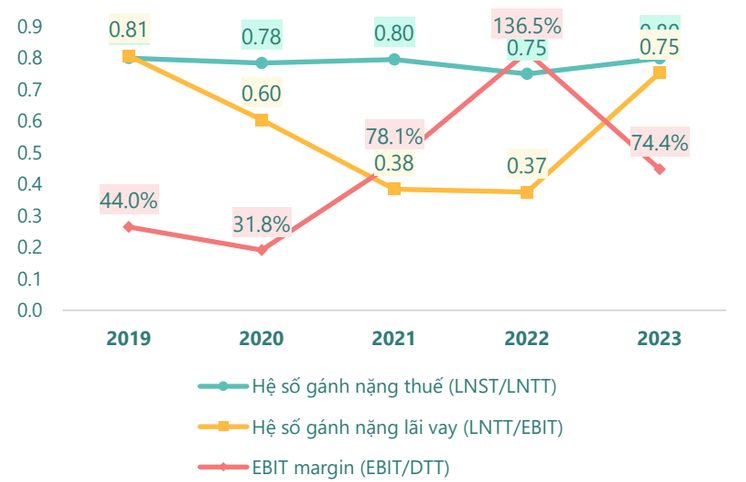
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



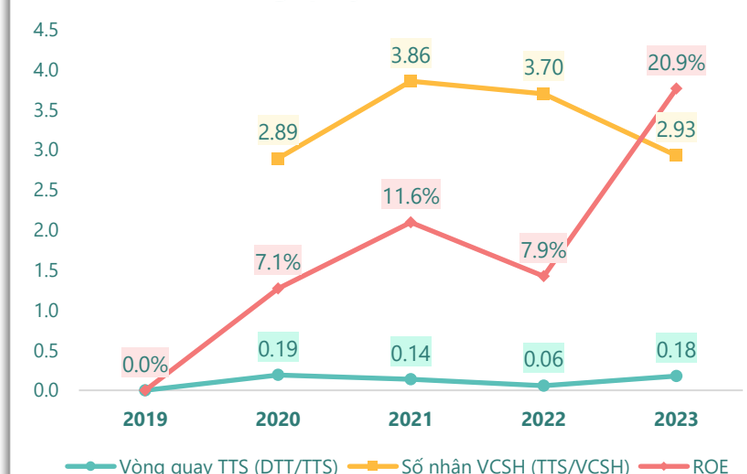
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



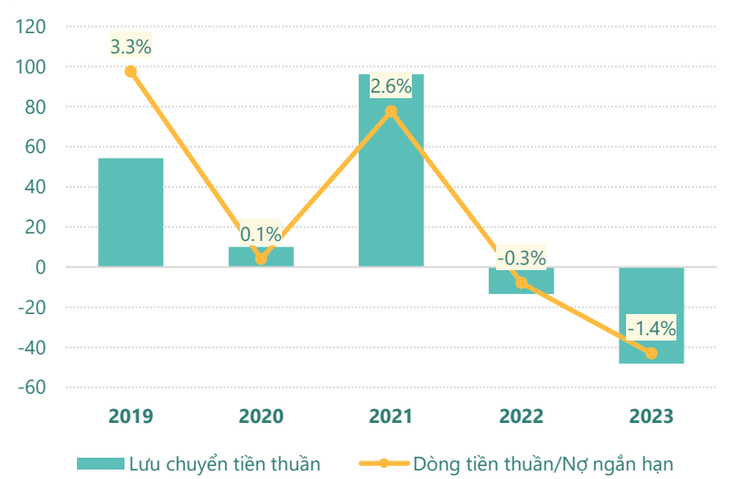
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**64.9**	**1,075**	**-94.0%**	**913**	**2,588**	**-64.7%**
Giá vốn hàng bán	23.3	355	-93.4%	333	955	-65.1%
Lợi nhuận gộp	41.5	720	-94.2%	580	1,633	-64.5%
Doanh thu HĐTC	91.7	229	-60.0%	337	864	-61.0%
Chi phí TC	78.2	162	-51.7%	301	641	-53.0%
Chi phí lãi vay	75.0	159	-52.8%	248	484	-48.7%
LN trong công ty LKLD	**2.80**	**-0.24**	**1266%**	**2.35**	**2.59**	**-9.5%**
Chi phí bán hàng	7.17	81.5	-91.2%	70.2	174	-59.7%
Chi phí QLDN	**29.3**	**27.7**	**5.7%**	**88.5**	**92.6**	**-4.5%**
LN thuần từ HĐKD	21.4	677	-96.8%	460	1,593	-71.1%
Lợi nhuận khác	**-10.0**	**-4.24**	**-137%**	**-2.19**	**-16.3**	**86.6%**
LN trước thuế	11.3	673	-98.3%	457	1,577	-71.0%
Lợi nhuận sau thuế	**7.80**	**537**	**-98.5%**	**362**	**1,262**	**-71.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.6**	**510**	**-97.9%**	**346**	**1,132**	**-69.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-413	340	82.6	-324	-880	-298
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	348	83.8	-272	604	1,091	-0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-58.7	-451	136	-218	8.95	0
Tiền đầu kỳ	311	187	160	107	169	389
Lưu chuyển tiền thuần	**-124**	**-26.6**	**-53.4**	**62.5**	**220**	**-298**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	187	160	107	169	389	91.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,308**	**13,201**	**-6.8%**
Tài sản ngắn hạn	6,425	6,323	1.6%
Tiền và tương đương tiền	91.2	107	-14.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.37	7.03	4.8%
Phải thu ngắn hạn	5,675	5,275	7.6%
Hàng tồn kho	636	889	-28.4%
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	46.1	-66.5%
Tài sản dài hạn	**5,882**	**6,878**	**-14.5%**
Phải thu dài hạn	2,611	3,711	-29.6%
Tài sản cố định	45.2	77.7	-41.8%
Bất động sản đầu tư	642	625	2.8%
Tài sản dở dang	171	181	-5.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,412	2,283	5.7%
Tài sản dài hạn khác	**0.21**	**0.12**	**70.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,106	7,360	-17.0%
Nợ ngắn hạn	**3,193**	**3,361**	**-5.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,100	223	392%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.3	326	-78.4%
Nợ dài hạn	2,913	4,000	-27.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,126	3,211	-33.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,202**	**5,840**	**6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**6,202**	**5,840**	**6.2%**
Vốn điều lệ	3,750	3,750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)